| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2025/KDTM-PT
Ngày: 06-5-2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thọ.
*Các Thẩm phán*: Bà Võ Thị Phượng.
Ông Nguyễn Hữu Bằng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:*** Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 03 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ".

Do bản án sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2025/QĐPT-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2025, Thông báo dời phiên tòa số 50/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D.

Địa chỉ trụ sở: 76 Đường S, phường T. Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị N – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Chí T là đại diện theo ủy quyền, có mặt tại Tòa.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N5.

Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp S – giai đoạn 1, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị N1 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Thế H là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2023), có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: B (lầu B) Trần Quang K, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N5 là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Theo đơn khởi kiện ngày 27/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Chí T trình bày*:

Vào ngày 19/11/2019, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn D (Viết tắt là Công ty D) có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N5 (Viết tắt Công ty N5), tại trụ sở công ty của bị đơn. Số lượng tham gia hợp đồng là 06 vị trí/24giờ/ngày. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/11/2020, phí dịch vụ là 12.540.000 đồng/01vị trí/24/24/tháng. Nguyên đơn đã thực hiện hợp đồng từ ngày 01/12/2019 đến ngày 26/02/2020, tổng thời gian bảo vệ tại công ty của bị đơn là 02 tháng 26 ngày. Ngày 26/02/2020, bị đơn chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn, ngày 27/02/2020 nguyên đơn đã hoàn tất bàn giao toàn bộ tài sản lại cho bị đơn. Bị đơn cho rằng nguyên đơn cung cấp mã số thuế trong hóa đơn và hợp đồng không trùng khớp nhau nên bị đơn không thể chuyển tiền cho nguyên đơn được. Sau đó nguyên đơn đã cung cấp lại mã số thuế và tài khoản thông tin ngân hàng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chi trả phí dịch vụ bảo vệ từ ngày 01/12/2019 đến ngày 26/02/2020 số tiền 217.936.400 đồng và lãi suất phát sinh tính theo hợp đồng là 150% lãi suất cơ bản là 9%/năm, tạm tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 27/3/2024 là 04 năm với số tiền 117.685.656 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 335. 622.056 đồng.

- *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phùng Thế H trình bày:* Vào tháng 10 năm 2019 bị đơn có tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bị đơn. Nguyên đơn tham gia đấu thầu, gian dối trong việc ký kết hợp đồng và sử dụng nhiều hồ sơ tài liệu giả mạo cung cấp cho bị đơn. Vụ án đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy đã giao lại cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết lại. Bị đơn vẫn chưa nhận được đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo khoản 9 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn yêu cầu Tòa án tạm định chỉ giải quyết vụ án theo điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do sau khi nguyên đơn ký kết hợp đồng bảo vệ với bị đơn, bị đơn phát hiện nguyên đơn cung cấp hồ sơ tài liệu giả mạo, nên đã trình báo cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 08/6/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận T có văn bản số 6058/CV-CSKT với nội dung "*Đối với đề nghị TAND huyện Châu Thành, TAND tỉnh Hậu Giang tạm đình chỉ giải quyết vụ án "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" giữa Công ty D và Công ty N5 để chờ kết quả điều tra, Cơ quan CSĐT Công an quận T đề nghị Công ty N5 có đề nghị gửi TAND tỉnh Hậu Giang để giải quyết các vấn đề có liên quan theo thẩm quyền"*. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tạm đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ để chờ kết quả giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận T và đề nghị nguyên đơn phải gửi cho bị đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện.

Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 13/2024/QĐ – SCBSBA ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã bổ sung lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật

sư Bùi Công Phú C tại phiên tòa sơ thẩm như sau: Ngày 19/11/2019, công ty D có ký hợp đồng bảo vệ tài sản khu công nghiệp S, bà N là người đại diện theo pháp luật. Khi đó thành lập hai công ty và giữa hai công ty nhẫm lẫn hai con dấu nên dẫn đến sai sót đóng nhầm dấu. Hợp đồng ký với công ty N5 không có lỗi, không có làm giả giấy tờ, không ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ bảo vệ. Phía nguyên đơn không làm mất tài sản, mục đích hợp đồng đạt, công việc hoàn thành theo điều 3 của hợp đồng. Công ty N5 thừa nhận bên phía nguyên đơn cung cấp dịch vụ bảo vệ nhưng công ty N5 không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận hợp đồng. Phía nguyên đã cung cấp hồ sơ theo điều 5.3.1 trong hợp đồng nhưng phía bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn mà đã chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn vào ngày 26/02/2020. Đến nay đã hơn 04 năm nhưng bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn. Theo quy định Điều 306 Luật Thương mại thì bên vi phạm trả tiền lãi trên số tiền vi phạm, đồng thời tại khoản 1 Điều 8 của hợp đồng có thỏa thuận việc chậm thanh toán. Hiện nay lãi suất cơ bản của ngân hàng N6 là 09%/năm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng nhưng bị đơn cố tình kéo dài không trả tiền đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/02/2020 đến ngày xét xử 30/9/2024.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn N5 phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn D số tiền 217.936.400 đồng và trả lãi 134.854.865 đồng. Tổng vốn và lãi 352.375.672 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, tại thời điểm tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, bị đơn có đơn kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

Huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm ngày 30/9/2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ" và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo hướng Toà án cấp sơ thẩm tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả điều tra, giải quyết vụ án hình sự "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" của Cơ quan CSĐT Công an quận T.

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không hủy bản án sơ thẩm, mà tiếp tục đưa vụ án ra xét xử, Công ty N5 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm ngày 30/9/2024 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D vì yêu cầu khởi kiện của Công ty D là không có cơ sở; hoặc Tòa án cấp phúc thẩm tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả điều tra, giải quyết vụ án hình sự "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" của Cơ quan CSĐT Công an quận T.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị đơn Công ty N5 yêu cầu hủy bán án sơ thẩm do cấp sơ thẩm đã có những vi phạm, cụ thể:

Về tố tụng: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án trễ; vi phạm nghĩa vụ không gửi đơn khởi kiện cho bị đơn; tổ chức tiếp cận công khai chứng cứ khi chưa giao thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn; không tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ cơ quan Công an thụ lý, giải quyết vụ án hình sự; hoãn phiên tòa quá thời hạn quy định; không giao thông báo hoãn phiên tòa cho bị đơn.

Về nội dung: Bị đơn không ký hợp đồng với Công ty D. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp lệ hồ sơ nguyên đơn cung cấp theo khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng. Bị đơn không vi phạm theo khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng nên bị đơn không phải trả cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng hai bên đã ký kết với nhau là đúng, tuy nhiên có sự nhầm lẫn về dấu đóng và mã số thuế của một công ty khác cũng thuộc của gia đình nguyên đơn. Đối với hóa đơn giá trị gia tăng, nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn. Đối với hồ sơ chứng minh năng lực của Công ty và hồ sơ cá nhân của nhân viên bảo vệ đã được nộp hợp lệ cho bị đơn nên bị đơn mới nhận các bảo vệ vào làm việc. Trong đó hồ sơ cá nhân của bảo vệ do bảo vệ nộp trực tiếp cho bị đơn. Các văn bản Cơ quan Công an kết luận không phải là các văn bản nguyên đơn nộp cho bị đơn. Khi nguyên đơn trúng đấu thầu, điều kiện hồ sơ ban đầu chỉ có giấy chứng nhận kinh doanh và giấy đảm bảo an toàn sử dụng công cụ, nguyên đơn đang giữ bản chính những văn bản này và khi nộp cho Công ty bị đơn chỉ yêu cầu nộp bản photo mà không đòi hỏi phải sao y.

Nguyên đơn đã cử bảo vệ xuống thực hiện công việc cho bị đơn và đã hoàn thành công việc, quá trình thực hiện các bảo vệ vi phạm thì nguyên đơn cũng đã trả tiền phạt cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án cấp phúc thẩm sau khi thụ lý vụ án đã không thông báo bằng văn bản "trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày thụ lý vụ án" theo quy định tại khoản 1 Điều 285 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng sau đó Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho phía bị đơn và đã dời phiên tòa. Việc nhận thông báo trễ đã không ảnh hưởng đến quyền lợi về mặt tố tụng cũng như nội dung của vụ án.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với yêu cầu tạm đình chỉ vụ án của bị đơn với lý do cần đợi kết quả giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận T, thành phố Hồ Chí

Minh. Mặc dù Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận T, thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án về tội "*làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*" nhưng đang bị tạm đình chỉ do chưa xác định được đối tượng làm giả tài liệu. Tuy nhiên về liên quan đến vụ án hình sự, tại Công văn số 3055.CATP – CSKT ngày 12/8/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T xác định vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 03A/2023/KDTM – ST ngày 24/02/2024 là tranh chấp dân sự theo hợp đồng dịch vụ bảo vệ và *"việc giải quyết vấn đề dân sự nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do Cơ quan CSĐT Công an quận T thụ lý*". Còn đối với việc giải quyết vụ án dân sự, tại bản kết luận số 2020/KLGĐ – TT ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Phòng K1 Công an thành phố H đã kết luận hình dấu có nội dung "CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH'; dấu tên "Lê Ngọc Băng C1"; chứ ký đứng tên lê Ngọc Băng C1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A16 (đã nếu ở mục II.1) được làm giả bằng phương pháp in phun màu. Như vậy Kết luận giám định là chứng cứ đã chứng minh được tình tiết của vụ án mà không cần phải đợi xét xử vụ án hình sự. Do đó, Cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm tiến hành xét xử mà không tạm đình chỉ vụ án là phù hợp.

[2.2]. Đối với các vi phạm tố tụng khác như bị đơn trình bày đã được khắc phục, hoặc không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn nên không có căn cứ để hủy án vì vi phạm này.

[2.3]. Về nội dung: xét thấy vào ngày 19/11/2019 nguyên đơn có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bị đơn. Số lượng tham gia hợp đồng là 06 vị trí/24giờ/ngày, thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/12/2019 đến ngày 30/11/2020. Phí dịch vụ là 12.540.000 đồng/01vị trí 24/24/tháng. Nguyên đơn đã thực hiện hợp đồng từ ngày 01/12/2019 đến ngày 26/02/2020, tổng thời gian bảo vệ tại công ty của bị đơn là 02 tháng 26 ngày. Ngày 26/02/2020, bị đơn chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn, ngày 27/02/2020 nguyên đơn đã hoàn tất bàn giao toàn bộ tài sản lại cho bị đơn. Quá trình thực hiện bảo vệ cho bị đơn thì nguyên đơn đã cử danh sách 13 người đến thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cho công ty B1. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã làm hồ sơ giả mạo, cụ thể căn cứ vào Kết luận giám định của Phòng K1 Công an thành phố H xác định dấu chữ "CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH'; dấu tên "Lê Ngọc Băng C1"; chứ ký đứng tên lê Ngọc Băng C được thực hiện chứng thực trên một số bằng tốt nghiệp trình độ học vấn và chứng chỉ sơ cấp của những người được nguyên đơn cử đến làm nhiệm vụ bảo vệ cho bị đơn là giả, ngoài ra có việc chứng thực còn được thực hiện giả mạo trên giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ; giấy xác nhận đủ điều kiện của nguyên đơn. Nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, sau khi nguyên đơn trúng thầu, hai bên ký kết hợp đồng thì mới bổ sung các giấy tờ nêu trên để hoàn chỉnh hồ sơ nên đây không phải là yếu tố ban đầu cần để được trúng thầu và không ảnh hưởng đến việc ký kết hợp đồng của hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cử các nhân viên bảo vệ đến thực hiện nhiệm vụ bảo vệ theo đúng công việc trong hợp đồng. Mặt khác, hồ sơ thể hiện có một số văn bản hồ sơ cá nhân của bảo vệ cũng không có thủ tục chứng thực. Do đó bị đơn cho rằng hồ sơ giả mạo chứng thực là nguyên đơn đã vi phạm hợp đồng để không trả tiền công bảo vệ là không phù hợp. Từ đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Tuy nhiên, về thủ tục tố tụng xét xử, cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng, cụ thể:

[3.1]. Trong quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST - KDTM ngày 23/8/2024 không có Hội thẩm nhân dân Nguyễn Văn B và cũng không có quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân nhưng bản án có tên Hội thẩm nhân dân Nguyễn Văn B tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

[3.2]. Tại biên bản phiên tòa, Hội thẩm nhân dân tham gia là ông Nguyễn Văn B và ông Cao Văn N2 nhưng biên bản nghị án và bản án gốc 03 chữ ký lại để tên Hội thẩm nhân dân ông Nguyễn Văn B và ông Đỗ Trung N3. Đến bản án gốc phát hành lại để Hội thẩm nhân dân ông Nguyễn Văn B và ông Võ Văn T1. Mặc dù, sau đó Tòa án đã sửa đổi, bổ sung bản án gốc phát hành từ Hội thẩm nhân dân ông Võ Văn T1 sang ông Nguyễn Trung N4 nhưng vẫn không khớp với biên bản phiên tòa. Do đó, không thể xác định được chính xác Hội thẩm nhân dân đã tham gia xét xử vụ án.

[4]. Ngoài ra, phần quyết định của bản án tuyên chưa chính xác, theo bản án sơ thẩm đã nhận định cho thấy đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng tại phần quyết định của bản án chỉ tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không chính xác.

[5]. Phần lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án tuyên trong phần quyết định của bản án không đúng vì căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng lãi suất là do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không thỏa thuận thì áp dụng lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm lại áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

[6]. Sau khi xét xử, cấp sơ thẩm ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án cả về nội dung và nhận định của bản án sơ thẩm là không đúng quy định tại Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự chỉ được sửa chữa về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai.

[7]. Do những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[8]. Về án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu. Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N5 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo biên lai số 0003283 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 06 tháng 5 năm 2025.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thọ**